

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 5647/BGDĐT-CTHSSV
V/v góp ý dự thảo Thông tư liên tịch
hướng dẫn thực hiện công tác YTTH

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015

TRƯỜNG CKKT. LÝ TỰ TRỌNG	
CV ĐẾN	Số: 979
	Ngày: 06/11/2015
	Chuyên:
	Ưu tiên:

Kính gửi:

*Các Sở Giáo dục và Đào tạo,
Các đại học, học viện, trường Đại học, Cao đẳng
và Trung cấp chuyên nghiệp.*

*Thực hiện Kế hoạch công tác năm 2015, trong đó có hoạt động xây dựng
Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện công tác y tế trường học, Bộ Giáo dục
và Đào tạo phối hợp với Bộ Y tế xây dựng Thông tư liên tịch Hướng dẫn thực
hiện công tác y tế trường học.*

Để Thông tư liên tịch nêu trên sớm được hoàn thiện, ban hành và triển khai, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị Quý Đơn vị góp ý cho dự thảo Thông tư nêu trên (*Dự thảo đính kèm*).

Văn bản góp ý của Quý Đơn vị xin gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 10/11/2015** theo địa chỉ: Vụ Công tác học sinh, sinh viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo, 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội. Điện thoại/Fax: 043.8694029, DD: 0915 218 464. E-mail: lvtuan@moet.edu.vn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BT. Phạm Vũ Luận (để b/c);
- TT. Nguyễn Thị Nghĩa (để b/c);
- Website của Bộ GD&ĐT;
- Lưu: VT, Vụ CTHSSV.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ CÔNG TÁC HỌC SINH, SINH VIÊN



Ngũ Duy Anh
Ngũ Duy Anh

**BỘ Y TẾ - BỘ GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /2015/TTLT- BYT- BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2015

Dự thảo 3

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn thực hiện công tác y tế trường học

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 32/2008/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Chỉ thị số 23/2006/CT-TTg ngày 12/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường công tác y tế trong các trường học;

Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn thực hiện công tác y tế trường học.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư liên tịch này quy định về:

1. Hoạt động y tế đối với cơ sở giáo dục mầm non; trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên biệt không bao gồm trường, lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật (sau đây gọi tắt là trường học).

2. Chế độ báo cáo hoạt động y tế trường học.

3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục công nhận trường học đạt danh hiệu Trường học nâng cao sức khỏe.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Bệnh truyền nhiễm là bệnh lây truyền trực tiếp hoặc gián tiếp từ người hoặc từ động vật sang người do tác nhân gây bệnh truyền nhiễm.

2. Bệnh không lây nhiễm là bệnh không lây truyền từ người sang người, thường tiến triển chậm và thời gian bị bệnh kéo dài.

3. Yếu tố nguy cơ sức khỏe là các yếu tố khi tiếp xúc có thể làm tăng khả năng mắc bệnh, tật hoặc chấn thương.

4. Bệnh, tật học đường là những bệnh, tật học sinh mắc phải có liên quan đến điều kiện học tập không đảm bảo.

5. Trường học nâng cao sức khỏe là trường học ưu tiên thực hiện các hoạt động nhằm tạo ra môi trường vật chất, tinh thần có lợi nhất cho sức khỏe học sinh và giáo viên.

6. Vệ sinh trường học bao gồm các điều kiện bảo đảm về môi trường, cơ sở vật chất trường, lớp, trang thiết bị, chế độ vệ sinh dạy học, học tập, tập luyện thể dục, thể thao, chế độ vệ sinh và chăm sóc sức khỏe trong các trường học.

7. Phòng y tế trường học là nơi tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe ban đầu và nâng cao sức khỏe trẻ em, học sinh, giáo viên, cán bộ công nhân viên trong trường học.

8. Diện tích phủ xanh là diện tích được che phủ của cây xanh, thảm thực vật trong khuôn viên trường học.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn kinh phí thực hiện công tác y tế trường học bao gồm:

a) Nguồn kinh phí cho sự nghiệp y tế, giáo dục và đào tạo hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành của các đơn vị;

b) Nguồn Bảo hiểm y tế học sinh theo quy định hiện hành;

c) Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Kinh phí tổ chức thực hiện công tác y tế trường học phải được sử dụng đúng mục đích, chế độ theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Việc lập dự toán, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện công tác y tế trường học được áp dụng theo các quy định hiện hành.

Chương II

NỘI DUNG CỦA HOẠT ĐỘNG Y TẾ TRƯỜNG HỌC

Điều 4. Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất

1. Bảo đảm các điều kiện về quy hoạch, thiết kế, xây dựng

a) Đối với cơ sở giáo dục mầm non thực hiện theo TCVN 3907:2011 Trường mầm non - Yêu cầu thiết kế;

b) Đối với trường tiểu học thực hiện theo TCVN 8793:2011 Trường tiểu học - Yêu cầu thiết kế;

c) Đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học thực hiện theo TCVN 8794:2011 Trường trung học - Yêu cầu thiết kế;

d) Đối với trường chuyên biệt không bao gồm trường, lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật thực hiện theo các tiêu chuẩn được quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản này phù hợp theo cấp học.

2. Bảo đảm điều kiện về trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho học tập và sinh hoạt của trẻ em và học sinh

a) Bàn ghế

- Đối với các cơ sở giáo dục mầm non, kích thước bàn ghế áp dụng theo TCVN 1993 - Bàn ghế học sinh mẫu giáo – Yêu cầu chung;

- Đối với trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên biệt không bao gồm trường, lớp dành cho người tàn tật, khuyết tật, kích thước bàn ghế áp dụng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2011/BGD&ĐT-BKHCN-BYT ngày 16 tháng 6 năm 2011 về Hướng dẫn tiêu chuẩn bàn ghế học sinh trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung học phổ thông.

b) Bảng phòng học

- Các phòng học phải được trang bị bảng chống lóa và bảo đảm độ tương phản;
- Chiều cao của bảng từ 1,2-1,5 m; chiều rộng bảng không quá 3,2m, phù hợp với chiều rộng phòng học và việc sắp xếp bàn ghế học sinh;
- Bảng có màu xanh lá cây hoặc màu đen (nếu viết bằng phấn trắng), màu trắng (nếu viết bằng bút dạ);
- Bảng treo ở giữa tường, mép dưới bảng cách nền phòng học từ 0,8 – 1,0m;
- Chữ viết trên bảng có chiều cao không nhỏ hơn 4cm.

c) Chiều sáng

Phòng học phải được thiết kế có chiều sáng tự nhiên. Hướng chính lấy ánh sáng tự nhiên là từ phía tay trái khi học sinh ngồi hướng lên bảng. Tỷ lệ diện tích phần lấy ánh sáng (cửa sổ, cửa ra vào,...)/diện tích phòng học không nhỏ hơn 1/5;

Chiều sáng nhân tạo trong trường học phải đảm bảo theo yêu cầu tại TCVN 7114 - 1: 2008 (ISO 8995-1:2002) Écgonômi - Chiều sáng nơi làm việc - Phần 1: Trong nhà;

d) Phương tiện, đồ dùng học tập, sinh hoạt

Phương tiện, đồ dùng học tập, sinh hoạt của học sinh phải bảo đảm các yêu cầu vệ sinh quy định tại Mục V, Phần II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (QCVN 07:2010/BYT) ban hành theo Thông tư số 46/2010/TT – BYT ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

3. Bảo đảm các điều kiện về cấp thoát nước và vệ sinh môi trường trong trường học.

a) Bảo đảm nước uống, nước sinh hoạt

- Nhà trường phải cung cấp đủ nước cho học sinh uống trong thời gian học tập tại trường. Bảo đảm bình quân mỗi học sinh trong một ca học có tối thiểu 0,5 lít (về mùa hè), 0,3 lít (về mùa đông);

- Nhà trường phải cung cấp đủ nước sinh hoạt cho học sinh. Nếu dùng nước máy thì mỗi vòi sử dụng tối đa cho 200 học sinh trong một ca học; nếu dùng nước giếng hoặc nguồn khác thì phải bảo đảm tối thiểu từ 4-6 lít cho một học sinh trong một ca học;

- Khu nội trú bán trú phải được cung cấp đầy đủ nước sạch để học sinh sử dụng trong ăn uống và sinh hoạt hằng ngày, bình quân cho mỗi học sinh trong 24 giờ từ 100 - 150 lít;

- Chất lượng nước uống, nước sinh hoạt phải bảo đảm theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống (QCVN 01:2009/BYT) ban hành theo Thông tư số 04/2009/TT - BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai (QCVN 6 - 1:2010/BYT) ban hành theo Thông tư số 34/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 6 năm 2010 và Quy chuẩn

kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt (QCVN 02:2009/BYT) ban hành theo Thông tư số 05/2009/TT - BYT ngày 17 tháng 6 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

b) Công trình vệ sinh

Khu vệ sinh trong trường học được thiết kế bao gồm nhà tiêu, nhà tiểu, khu rửa tay. Nhà vệ sinh phải được sử dụng riêng cho giáo viên và học sinh, riêng cho nam và nữ. Các loại hình nhà tiêu sử dụng cho trường học phải đảm bảo các yêu cầu về xây dựng, sử dụng và bảo quản theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - Điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh (QCVN 01: 2011/BYT) ban hành kèm theo Quyết định số 27/2011/TT-BYT ngày 24 tháng 06 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế;

c) Thu gom và xử lý chất thải

Hệ thống thu gom và xử lý nước thải, rác thải và chế độ vệ sinh hằng ngày phải đáp ứng các yêu cầu tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 mục VII phần II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (QCVN 07:2010/BYT);

d) Chế độ vệ sinh chung thực hiện theo khoản 3 mục I phần II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (QCVN 07:2010/BYT).

4. Đảm bảo các điều kiện về dinh dưỡng và an toàn thực phẩm

a) Trường học phải đảm bảo điều kiện về an toàn vệ sinh thực phẩm được quy định tại Thông tư liên tịch số 08/2008/TTLT – BYT-BGDĐT ngày 8/7/2008 của Bộ Y tế - Bộ Giáo dục và đào tạo về Hướng dẫn công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phòng chống bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (QCVN 07:2010/BYT);

b) Bếp ăn, nhà ăn trong trường học phải bảo đảm yêu cầu tại Quyết định số 4128/2001/QĐ-BYT ngày 3/10/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm tại các nhà ăn, bếp ăn tập thể, cơ sở kinh doanh, chế biến thức ăn sẵn;

c) Đối với người làm việc tại nhà ăn, bếp ăn trong trường học phải bảo đảm các yêu cầu về sức khỏe theo quy định tại Quyết định số 21/2007/QĐ-BYT ngày 12/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định về điều kiện sức khỏe đối với những người tiếp xúc trực tiếp trong quá trình chế biến thực phẩm bao gói sẵn và kinh doanh thực phẩm ăn ngay;

d) Yêu cầu vệ sinh đối với hoạt động bảo quản, chế biến thực phẩm thực hiện theo khoản 5 mục VI phần II của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (QCVN 07:2010/BYT);

đ) Bảo đảm dinh dưỡng bữa ăn học đường đủ chất, đa dạng thực phẩm, phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ theo tuổi và tình trạng sức khỏe của mỗi học sinh.

Điều 5. Bảo đảm môi trường xã hội trong trường học và liên kết cộng đồng

1. Xây dựng chương trình giảng dạy và học tập

a) Xây dựng chương trình dạy học phù hợp, đảm bảo thời gian nghỉ ngơi, vui chơi với từng lứa tuổi, không tổ chức dạy thêm gây quá tải cho học sinh, đổi mới phương pháp giảng dạy, tạo môi trường cho học sinh cùng tham gia;

b) Phát hiện và kịp thời giúp đỡ, động viên những học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khó hòa nhập.

2. Xây dựng mối quan hệ tốt giữa thầy cô giáo và học sinh

a) Giáo viên quan tâm, không đối xử thô bạo, thực hiện bình đẳng giới, dân tộc, tôn giáo, không phân biệt đối xử với học sinh. Mỗi thầy giáo, cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo cho học sinh học tập;

b) Giáo dục học sinh biết tôn trọng kỷ luật của nhà trường, kính trọng thầy cô, cha mẹ, ông bà.

3. Xây dựng mối quan hệ tốt giữa học sinh với học sinh

a) Khuyến khích, hướng dẫn học sinh giúp đỡ nhau trong học tập. Học sinh khá giỏi giúp đỡ học sinh yếu kém. Học sinh khỏe hỗ trợ, giúp đỡ những học sinh có khuyết tật;

b) Kịp thời phát hiện và ngăn chặn thành lập các băng nhóm, mâu thuẫn trong học sinh.

4. Xây dựng mối quan hệ giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng

a) Nhà trường định kỳ thông báo kết quả học tập, rèn luyện và tình hình sức khỏe của học sinh cho cha mẹ học sinh thông qua sổ liên lạc, ban liên lạc phụ huynh, các buổi họp phụ huynh;

b) Gia đình phối hợp với nhà trường trong việc chăm sóc và dạy dỗ con em mình, thường xuyên liên hệ với giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn để nắm được tình hình học tập và hỗ trợ kịp thời việc học tập, rèn luyện của con em mình. Thông báo kịp thời tình hình sức khỏe của con em mình cho giáo viên chủ nhiệm trong trường hợp có ốm đau, nghỉ học;

c) Nhà trường vận động sự ủng hộ của chính quyền địa phương hỗ trợ kinh phí, nhân lực tạo điều kiện cho hoạt động. Giáo viên và học sinh tích cực tham gia các phong trào, hoạt động thể thao văn hóa của địa phương, tạo sự gắn kết giữa nhà trường và chính quyền đoàn thể địa phương;

d) Chính quyền địa phương chỉ đạo các ban ngành đoàn thể địa phương tham gia thực hiện những cam kết, nội quy, quy chế đã được ký kết;

đ) Cơ quan y tế địa phương có nhiệm vụ hỗ trợ nhà trường trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe học sinh và phối hợp triển khai các biện pháp giám sát, chủ động phòng, chống dịch bệnh, bệnh tật học đường, an toàn thực phẩm trong trường học;

e) Nhà trường tạo mối liên hệ chặt chẽ với cơ quan y tế địa phương. Phối hợp với cơ quan y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho học sinh (khám sức khỏe định kỳ, cơ cấp cứu và triển khai các chương trình y tế khác trong nhà trường); Đề xuất với cơ quan y tế địa phương cung cấp các tài liệu truyền thông, các bài giảng về sức khỏe, tham gia tổ chức các hoạt động truyền thông, tư vấn sức khỏe cho học sinh và giáo viên của trường;

g) Phối hợp với Hội phụ nữ trong phong trào nuôi con khỏe, dạy con ngoan. Đảm bảo học sinh có chế độ dinh dưỡng lành mạnh;

h) Phối hợp với hội khuyến học tổ chức biểu dương, khen thưởng những học sinh có thành tích cao trong học tập;

i) Phối hợp với Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh để xây dựng và triển khai các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao, giữ gìn di tích truyền thống lịch sử địa phương. Tạo môi trường để học sinh tham gia sinh hoạt vui chơi rèn luyện, gắn kết cộng đồng nơi sinh sống. Đặc biệt trong những tháng hè, trong những dịp lễ hội, ngày kỷ niệm lớn của đất nước.

Điều 6. Bảo đảm các điều kiện về chăm sóc sức khỏe cho trẻ em và học sinh

1. Phòng y tế

a) Các cơ sở giáo dục mầm non, trường học phải có phòng y tế riêng, bảo đảm diện tích từ 12m² trở lên để phục vụ cho công tác chăm sóc và quản lý sức khỏe học sinh. Nếu trường học có học sinh nội trú, bán trú thì phải có phòng cách ly và nhân viên y tế trực 24/24 giờ;

b) Phòng y tế được bố trí ở vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu, có ít nhất 01 giường khám bệnh và lưu bệnh nhân để theo dõi; có bàn, ghế, tủ dụng cụ và thiết bị làm việc thông thường và thuốc thiết yếu phù hợp để phục vụ cho việc chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh trong thời gian học tập và sinh hoạt tại trường;

c) Có sổ khám bệnh, sổ theo dõi sức khỏe học sinh, hồ sơ sức khỏe học sinh, sổ theo dõi xuất nhập thuốc, vật tư theo quy định.

2. Nhân viên y tế trường học

a) Biên chế nhân viên y tế trường học thực hiện theo Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ Giáo dục - Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập và Thông tư liên tịch số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23 tháng 8 năm 2006 của Bộ Giáo dục - Đào tạo và Bộ Nội vụ về hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

b) Nhân viên làm công tác y tế trường học (bao gồm cả cán bộ chuyên trách và kiêm nhiệm) phải có chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về công tác y tế trường học tối thiểu 2 tháng theo chương trình của Bộ Y tế;

c) Được tham gia các cuộc hội thảo, lớp tập huấn, lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về công tác y tế do ngành giáo dục, ngành y tế và các ban ngành khác của địa phương tổ chức. Hàng tháng tham gia giao ban cùng trạm y tế xã để nắm bắt tình hình và phối hợp hoạt động chuyên môn.

Điều 7. Tổ chức các hoạt động quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh

1. Nội dung quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe học sinh đối với cơ sở giáo dục mầm non áp dụng theo quy định tại Điều 4 của Quy định về hoạt động y tế trong các cơ sở giáo dục mầm non ban hành kèm theo Quyết định số 58/2008/QĐ - BGDĐT ngày 17 tháng 10 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Nội dung quản lý, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe học sinh đối với trường học áp dụng theo quy định tại Điều 4 của Quy định về hoạt động y tế trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Quyết định số 73/2007/QĐ - BGDĐT ngày 04 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Hoạt động khám sức khỏe và phân loại sức khỏe học sinh thực hiện theo quy định của Bộ Y tế.

4. Chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch theo hướng dẫn tại Thông tư số 46/2010/TT-BYT ngày 29/12/2010 về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vệ sinh phòng bệnh truyền nhiễm trong các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân của Bộ trưởng Bộ Y tế và các hướng dẫn khác của cơ quan y tế.

5. Phối hợp với các cơ sở y tế, các đơn vị liên quan tại địa phương, các đơn vị, tổ chức, đoàn thể trong trường học triển khai, thực hiện các hoạt động về y tế trường học và các hoạt động giáo dục, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe trẻ em, học sinh.

6. Phối hợp với cơ sở y tế địa phương và phụ huynh học sinh trong việc phát hiện, quản lý, điều trị các bệnh cấp tính, mạn tính và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh.

7. Tổ chức triển khai các phong trào vệ sinh phòng bệnh, tăng cường hoạt động thể lực, xây dựng môi trường không khói thuốc lá, không sử dụng và lạm dụng đồ uống có cồn, các chất gây nghiện.

8. Tổ chức triển khai nội dung xây dựng trường học nâng cao sức khỏe trong các cơ sở giáo dục để tạo môi trường trường học thân thiện, an toàn và giảm thiểu các yếu tố nguy cơ có hại cho sức khỏe theo hướng dẫn của liên bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.

Điều 8. Bảo đảm chế độ học tập và rèn luyện cho trẻ em, học sinh

1. Đối với cơ sở giáo dục mầm non thực hiện theo quy định tại Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về chương trình giáo dục mầm non.

2. Đối với các trường học thực hiện theo quy định tại Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình giáo dục phổ thông.

Điều 9. Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe

1. Xây dựng các tài liệu truyền thông giáo dục sức khỏe với nội dung phù hợp cho từng nhóm đối tượng và điều kiện cụ thể của từng địa phương.

2. Tổ chức truyền thông, giáo dục về các biện pháp phòng chống dịch, bệnh truyền nhiễm, ngộ độc thực phẩm, các yếu tố nguy cơ bệnh không lây nhiễm, bệnh, tật học đường, tai nạn thương tích cho trẻ em, học sinh và cha mẹ.

3. Tổ chức tư vấn, giáo dục sức khỏe cho trẻ em, học sinh và cha mẹ học sinh.

4. Tổ chức cho trẻ em và học sinh thực hành các hành vi vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường, dinh dưỡng hợp lý, rèn luyện thể lực, nâng cao sức khỏe.

5. Tuyên truyền, vận động học sinh và gia đình tham gia mua bảo hiểm y tế.

Điều 10. Tổ chức xây dựng Trường học nâng cao sức khỏe

Các trường học lập kế hoạch và tổ chức xây dựng Trường học nâng cao sức khỏe theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hằng năm tổ chức tự đánh giá theo các tiêu chí của Trường học Nâng cao Sức khỏe theo Phụ lục 1, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này. Khi đủ tiêu chuẩn thì đề nghị cấp có thẩm quyền thẩm định và công nhận.

Chương III

HỒ SƠ, QUY TRÌNH CÔNG NHẬN TRƯỜNG HỌC NÂNG CAO SỨC KHỎE

Điều 11. Điều kiện công nhận

Các cơ sở giáo dục mầm non, trường học đạt danh hiệu Trường học nâng cao sức khỏe phải đạt các tiêu chí theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch này.

Điều 12. Thời hạn công nhận

1. Quyết định công nhận trường học đạt danh hiệu Trường học nâng cao sức khỏe có thời hạn 03 năm kể từ ngày ký. Hằng năm các cơ sở giáo dục mầm non và trường học tự đánh giá để tiếp tục duy trì và hoàn thiện các tiêu chí theo quy định. Trong thời hạn 03 năm, nếu không duy trì được các tiêu chí theo quy định sẽ bị thu hồi Quyết định và Bằng công nhận Trường học Nâng cao sức khỏe.

2. Sau 03 năm kể từ ngày có quyết định công nhận, các cơ sở giáo dục mầm non, trường học phải tự đánh giá, làm hồ sơ trình các cấp theo thẩm quyền để được kiểm tra, công nhận lại. Trình tự thủ tục công nhận lại thực hiện như công nhận lần đầu.

Điều 13. Thẩm quyền công nhận

Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Chủ tịch UBND cấp tỉnh) ra quyết định và cấp Bằng công nhận trường học đạt danh hiệu Trường học nâng cao sức khỏe. Mẫu Bằng công nhận theo quy định của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 14. Hồ sơ đề nghị công nhận

Hồ sơ đề nghị công nhận Trường học nâng cao sức khỏe gồm:

1. Hồ sơ gửi về UBND cấp quận, huyện, thành phố trực thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là UBND cấp huyện)

a) Báo cáo tự đánh giá của cơ sở giáo dục mầm non, trường học theo các tiêu chí Trường học nâng cao sức khỏe được quy định tại Thông tư này và kèm theo hồ sơ minh chứng, có xác nhận của UBND cấp xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là UBND cấp xã);

b) Tờ trình của Chủ tịch UBND cấp xã đề nghị UBND cấp huyện kiểm tra, thẩm định.

2. Hồ sơ gửi về UBND cấp tỉnh

a) Báo cáo tự đánh giá và hồ sơ minh chứng của trường theo các tiêu chí Trường học Nâng cao sức khỏe được quy định tại Thông tư này, có xác nhận của UBND cấp xã;

b) Báo cáo kết quả thẩm định của đoàn kiểm tra cấp huyện;

c) Tờ trình của UBND cấp huyện đề nghị UBND cấp tỉnh kiểm tra, công nhận.

Điều 15. Trình tự thủ tục kiểm tra, xét công nhận

Trình tự kiểm tra, xét công nhận Trường học nâng cao sức khỏe như sau:

1. Căn cứ các tiêu chí quy định về Trường học nâng cao sức khỏe, nhà trường và UBND cấp xã tiến hành tự đánh giá. Xét thấy trường đạt tiêu chí Trường học nâng cao sức khỏe theo quy định, UBND cấp xã làm hồ sơ đề nghị UBND cấp huyện tổ chức đoàn liên ngành để thẩm định;

2. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp huyện quyết định thành lập đoàn liên ngành để thẩm định và hoàn thành việc thẩm định theo đề nghị của UBND cấp xã. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đúng theo quy định, UBND cấp huyện trả lại hồ sơ hoặc gửi văn bản yêu cầu UBND cấp xã bổ sung cho hợp lệ;

Đoàn kiểm tra cấp huyện (gồm đại diện UBND, ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Y tế và các đơn vị liên quan do UBND cấp huyện chỉ định) tiến hành thẩm định kết quả đánh giá của UBND cấp xã. Căn cứ kết quả thẩm định, xét thấy trường đạt tiêu

chí Trường học nâng cao sức khỏe, đoàn kiểm tra làm văn bản báo cáo UBND cấp huyện để làm hồ sơ đề nghị UBND cấp tỉnh tổ chức thẩm định;

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND cấp tỉnh quyết định thành lập đoàn liên ngành để thẩm định và hoàn thành việc thẩm định theo đề nghị của UBND cấp huyện. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không đúng theo quy định, UBND cấp tỉnh trả lại hồ sơ hoặc gửi văn bản yêu cầu UBND cấp huyện bổ sung cho hợp lệ;

Đoàn kiểm tra cấp tỉnh (gồm đại diện ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Y tế và các đơn vị liên quan do Chủ tịch UBND cấp tỉnh chỉ định) tiến hành thẩm định kết quả đánh giá của UBND cấp huyện. Căn cứ kết quả thẩm định, xét thấy trường đạt tiêu chí Trường học nâng cao sức khỏe, đoàn kiểm tra làm văn bản báo cáo trình chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định và cấp Bằng công nhận Trường học nâng cao sức khỏe;

4. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của đoàn kiểm tra cấp tỉnh, chủ tịch UBND cấp tỉnh ra quyết định và cấp Bằng công nhận đạt Trường học nâng cao sức khỏe cho trường học.

Điều 16. Nội dung kiểm tra, đánh giá

1. Nghe báo cáo của trường về quá trình phấn đấu và kết quả đạt được theo các tiêu chí Trường học nâng cao sức khỏe;

2. Kiểm tra theo các tiêu chí

a) Kiểm tra các hồ sơ, sổ sách liên quan đến quy hoạch, kế hoạch, báo cáo kết quả hoạt động, hồ sơ sức khỏe học sinh và các văn bản, sổ sách khác có liên quan;

b) Kiểm tra cơ sở vật chất, thiết bị, điều kiện học tập, rèn luyện và chăm sóc sức khỏe học sinh của trường;

c) Thu thập ý kiến của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài trường về hoạt động chăm sóc, giáo dục học sinh của nhà trường và các vấn đề khác có liên quan nếu thấy cần thiết;

d) Lập biên bản kiểm tra, đánh giá trường về từng nội dung của tiêu chí và kết luận tổng hợp.

Chương IV CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 17. Nội dung báo cáo

1. Các cơ sở giáo dục mầm non, trường học định kỳ 6 tháng và 12 tháng tổng hợp kết quả hoạt động y tế trường học và báo cáo theo mẫu báo cáo của trường (Phụ lục 3, Mẫu 1);

2. Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là trạm y tế xã) định kỳ 6 tháng và 12 tháng tổng hợp kết quả hoạt động y tế trường học và báo cáo theo mẫu báo cáo của trạm y tế xã (Phụ lục 3, Mẫu 2);

3. Trung tâm y tế quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi tắt là trung tâm y tế huyện) định kỳ 6 tháng và 12 tháng tổng hợp kết quả hoạt động y tế trường học và báo cáo theo mẫu báo cáo của trung tâm y tế huyện (Phụ lục 3, Mẫu 3);

4. Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là trung tâm y tế dự phòng tỉnh) định kỳ 6 tháng và 12 tháng tổng hợp kết quả hoạt

động y tế trường học và báo cáo theo mẫu báo cáo của trung tâm y tế dự phòng tỉnh (Phụ lục 3, Mẫu 4);

5. Các Viện chuyên ngành khu vực (Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường, Viện Pasteur Nha Trang, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên, Viện Y tế công cộng Thành phố Hồ Chí Minh) định kỳ 6 tháng và 12 tháng tổng hợp kết quả hoạt động y tế trường học và báo cáo theo mẫu báo cáo của viện (Phụ lục 3, Mẫu 5).

Điều 18. Hình thức báo cáo

1. Báo cáo bằng văn bản có chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu của đơn vị báo cáo. Báo cáo file mềm theo đường thư điện tử;

2. Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên.

Điều 19. Quy trình báo cáo

1. Các cơ sở giáo dục mầm non, trường học báo cáo hoạt động y tế trường học cho trạm y tế xã và phòng giáo dục và đào tạo quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh.

2. Trạm y tế xã tổng hợp kết quả hoạt động y tế trường học từ các cơ sở giáo dục mầm non, trường học trên địa bàn và kết quả hoạt động của trạm để báo cáo Trung tâm y tế huyện và phòng Giáo dục và Đào tạo huyện.

3. Trung tâm y tế huyện phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp kết quả hoạt động y tế trường học của các xã trên địa bàn và kết quả hoạt động của Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm y tế huyện và các đơn vị liên quan để báo cáo Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, Phòng công tác học sinh, sinh viên tỉnh và UBND huyện.

4. Trung tâm y tế dự phòng tỉnh phối hợp với Phòng công tác học sinh, sinh viên của Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp kết quả hoạt động y tế trường học của các quận, huyện trên địa bàn và kết quả hoạt động của Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị liên quan để báo cáo Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh, các viện khu vực (Viện Sức khỏe nghề nghiệp và Môi trường, Viện Pasteur Nha Trang, Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên, Viện Y tế công cộng Thành phố Hồ Chí Minh), Cục Y tế dự phòng của Bộ Y tế, Vụ Công tác học sinh, sinh viên Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Các Viện khu vực trực thuộc Bộ Y tế chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo kết quả hoạt động y tế trường học của các trung tâm y tế dự phòng tỉnh trên địa bàn phụ trách và kết quả hoạt động của Viện để báo cáo về Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế;

6. Cục Y tế dự phòng Bộ Y tế phối hợp với Vụ công tác học sinh, sinh viên Bộ Giáo dục và Đào tạo hàng năm tổng hợp kết quả hoạt động y tế trường học của các viện và của Cục, Vụ để báo cáo lãnh đạo Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo và tổ chức Hội nghị tổng kết công tác Y tế trường học hàng năm.

Điều 20. Thời hạn báo cáo

1. Các trường học tổng hợp báo cáo theo năm học. Báo cáo 6 tháng (học kỳ 1) được tổng hợp số liệu từ khi bắt đầu năm học đến 31 tháng 12 hằng năm. Chậm nhất là ngày 15 tháng 1 phải gửi báo cáo về trạm y tế xã. Báo cáo 1 năm được tổng hợp số liệu từ đầu năm học đến hết học kỳ II của năm học. Chậm nhất là ngày 15 tháng 7 hằng năm phải gửi báo cáo về trạm y tế xã.

2. Trạm y tế xã gửi báo cáo 6 tháng trước ngày 20 tháng 1 và báo cáo năm trước ngày 20 tháng 7 hằng năm.

3. Trung tâm y tế huyện gửi báo cáo 6 tháng trước ngày 30 tháng 1 và báo cáo năm trước ngày 30 tháng 7 hằng năm.

4. Trung tâm y tế dự phòng tỉnh gửi báo cáo 6 tháng trước ngày 15 tháng 2 và báo cáo năm trước ngày 15 tháng 8 hằng năm.

5. Các Viện gửi báo cáo 6 tháng trước ngày 28 tháng 2 và báo cáo năm trước ngày 30 tháng 8 hằng năm.

6. Cục Y tế dự phòng gửi báo cáo năm trước ngày 15 tháng 9 hằng năm.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của nhân viên y tế trường học

1. Đầu mỗi tham mưu cho Hiệu trưởng nhà trường trong việc xây dựng kế hoạch, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác y tế trường học hằng năm.

2. Sơ cấp cứu và xử lý ban đầu các trường hợp tai nạn, thương tích và bệnh tật của học sinh trong trường học.

3. Tham gia tổ chức khám sức khỏe cho trẻ em, học sinh hằng năm, tham mưu cho lãnh đạo nhà trường lập kế hoạch theo dõi, chăm sóc trẻ em, học sinh bị bệnh, tật; Kịp thời thông báo cho cha mẹ trẻ em, học sinh hoặc người giám hộ về tình trạng sức khỏe học sinh.

4. Kiểm tra điều kiện vệ sinh phòng học, phương tiện đồ dùng dạy học, điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm, các công trình vệ sinh, cấp thoát nước, điều kiện đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn thương tích cho học sinh, tham mưu cho lãnh đạo nhà trường để khắc phục kịp thời.

5. Triển khai hoạt động truyền thông giáo dục, tư vấn sức khỏe cho trẻ em, học sinh, giáo viên và cán bộ nhân viên trong trường.

7. Quản lý thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế của trường.

8. Quản lý hồ sơ sức khỏe học sinh.

9. Phối hợp với trạm y tế xã để tổ chức các hoạt động chủ động phòng chống dịch bệnh, an toàn thực phẩm, tai nạn thương tích, bệnh tật học đường, các yếu tố nguy cơ sức khỏe.

10. Tham gia giao ban chuyên môn với trạm y tế xã hằng tháng và báo cáo kết quả hoạt động y tế trường học theo quy định tại Thông tư liên tịch này.

Điều 21. Trách nhiệm của trường học

1. Thành lập Ban chăm sóc sức khỏe học sinh, thành phần gồm trưởng ban là đại diện ban giám hiệu, phó ban là đại diện ngành y tế địa phương, ủy viên thường trực là cán bộ y tế trường học, các ủy viên khác là giáo viên môn sức khỏe, giáo viên thể dục thể thao, tổng phụ trách đội, đại diện Hội Chữ thập đỏ trường học, đại diện hội cha mẹ học sinh. Các thành viên của Ban phải được phân công trách nhiệm cụ thể, tham mưu cho nhà trường và chính quyền địa phương lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác y tế trường học và xây dựng Trường học nâng cao sức khỏe theo quy định tại Thông tư liên tịch này.

2. Nhà trường có trách nhiệm đầu tư nhân lực, kinh phí, cơ sở vật chất, trang thiết bị cho công tác y tế trường học.

3. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ y tế trường học được quy định tại Điều 21 của Thông tư liên tịch này.

Điều 22. Trách nhiệm của trạm y tế xã

1. Xây dựng kế hoạch hoạt động y tế trường học trong kế hoạch hoạt động chung của trạm y tế xã hằng năm.
2. Phân công cán bộ hỗ trợ, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của công tác y tế trường học tại các cơ sở giáo dục mầm non, trường học theo quy định tại Thông tư liên tịch này.
3. Đưa nội dung về hoạt động y tế trường học vào nội dung họp giao ban hằng tháng.

Điều 23. Trách nhiệm của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo

1. Phối hợp với ngành y tế địa phương tham mưu với ủy ban nhân dân các cấp trong việc lập kế hoạch, tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác y tế trường học trên địa bàn.
2. Đôn đốc, giám sát và kiểm tra các cơ sở giáo dục mầm non, trường học trong việc thực hiện các nội dung về công tác y tế trường học theo quy định tại Thông tư liên tịch này.
3. Xây dựng kế hoạch phối hợp với ngành y tế trong công tác đào tạo, đào tạo lại và hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác y tế trường học tại các trường.
4. Tham mưu với ủy ban nhân dân các cấp về việc đề nghị chủ tịch UBND cấp tỉnh cấp và thu hồi Quyết định và bằng công nhận Trường học nâng cao sức khỏe đối với các cơ sở giáo dục mầm non, trường học trên địa bàn quản lý;
5. Phối hợp với ngành y tế địa phương hằng năm tiến hành tổng kết, đánh giá công tác y tế trường học trên địa bàn.

Điều 24. Trách nhiệm của trung tâm y tế huyện, trung tâm y tế dự phòng tỉnh

1. Chủ trì và phối hợp với ngành giáo dục và đào tạo tham mưu cho UBND các cấp trong việc lập kế hoạch, tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác y tế trường học trên địa bàn.
2. Phối hợp với ngành giáo dục và đào tạo tổ chức tập huấn, hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác y tế trường học; hướng dẫn triển khai quản lý, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe học sinh, truyền thông giáo dục sức khỏe.
3. Tổ chức kiểm tra, giám sát điều kiện vệ sinh trường học, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc và quản lý sức khỏe học sinh tại các trường học.
4. Cử cán bộ tham gia đoàn thẩm định Trường học nâng cao sức khỏe khi có yêu cầu.
5. Thực hiện việc thống kê, báo cáo kết quả hoạt động y tế trường học theo quy định.

Điều 25. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị, chủ động phối hợp với Cục Y tế dự phòng Bộ Y tế, Vụ Công tác học sinh, sinh viên, Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện hoạt động y tế trường học theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 26. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Hằng năm phê duyệt kế hoạch về hoạt động y tế trường học của địa phương; chủ động đầu tư kinh phí, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất đảm bảo tổ chức thực hiện tốt công tác y tế trường học trên địa bàn.

2. Kiện toàn và hoàn thiện hệ thống Ban chỉ đạo công tác y tế trường học các cấp, bổ sung nhiệm vụ về y tế trường học cho Ban chăm sóc sức khỏe nhân dân cùng cấp. Trưởng ban là Lãnh đạo Ủy ban nhân dân, Phó Trưởng ban thường trực là lãnh đạo ngành Giáo dục, Phó Trưởng ban chuyên môn là lãnh đạo ngành Y tế, các ủy viên là lãnh đạo ngành Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch đầu tư, Bảo hiểm xã hội, Trung tâm y tế dự phòng tỉnh, huyện và các ban ngành, đoàn thể liên quan. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban chỉ đạo theo chức năng nhiệm vụ. Tuyển dụng cán bộ làm y tế trường học, có chế độ đãi ngộ để thu hút đội ngũ cán bộ làm công tác y tế trường học.

3. Huy động các nguồn lực, nâng cấp cơ sở vật chất, cải thiện môi trường, điều kiện học tập, điều kiện chăm sóc sức khỏe trong các trường học trên địa bàn theo quy định.

4. Chỉ đạo các ngành phối hợp, tham gia thực hiện các nội dung về công tác y tế trường học trên địa bàn.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Điều khoản tham chiếu

Trong trường hợp các văn bản tham chiếu trong văn bản này có sự sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

Điều 28. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 6 năm 2016.

Bãi bỏ Thông tư liên tịch số 03/2000/TTLT - BYT-BGDĐT ngày 01 tháng 3 năm 2000 hướng dẫn thực hiện công tác y tế trường học của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 1221/2000/QĐ-BYT ngày 18 tháng 4 năm 2000 quy định về vệ sinh trường học của Bộ trưởng Bộ Y tế; Thông tư liên tịch số 18/2011/ TTLT-BGDĐT-BYT ngày 28 tháng 4 năm 2011 quy định các nội dung đánh giá công tác y tế tại các trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư liên tịch số 22/2013/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 18 tháng 6 năm 2013 quy định nội dung đánh giá công tác y tế tại các cơ sở giáo dục mầm non kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

Điều 29. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các trường xây dựng mới, các trường cải tạo lại sau ngày 1 tháng 6 năm 2016, phải bảo đảm các yêu cầu về quy hoạch, thiết kế, xây dựng theo quy định tại Thông tư này.

2. Đối với các trường hiện nay đang sử dụng và vận hành, cần phải xây dựng lộ trình để đảm bảo các yêu cầu về quy hoạch, thiết kế, xây dựng theo Thông tư này trước ngày 01 tháng 01 năm 2020.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh hoặc khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Công tác học sinh, sinh viên) và Bộ Y tế (Cục Y tế dự phòng) để liên Bộ xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TRƯỞNG
BỘ Y TẾ

Phạm Vũ Luận

Nguyễn Thị Kim Tiến

Nơi nhận:

- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội và các UB của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Kiểm toán nhà nước;
- UBTW Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các Vụ, Cục, Thanh tra, Văn phòng thuộc Bộ GD&ĐT, Bộ YT;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các sở GD&ĐT, sở Y tế;
- Công báo;
- Cổng TTĐT: Chính phủ, Bộ GD&ĐT, Bộ YT;
- Lưu: VT, PC, CTHSSV (BGDĐT), VT, PC, YTDP (BYT).